

Số: 82/2022/QĐST-HNGĐ

Đàm Dơi, ngày 19 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D**

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Văn G; Sinh năm 1980; Cư trú tại: Ấp K Ch, xã Q Ph B, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau;

2. Chị Lê Hồng M; Sinh năm 1986; Cư trú tại: Ấp M Đ A, xã T A Kh, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh G và chị M kết hôn vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A Kh, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/01/2007. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi nên đã ly thân nhau khoảng ba năm. Hiện tại anh, chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Anh G và chị M thống nhất giao cháu Lê Khánh V, sinh ngày 22/3/2008 và Lê Khánh L, sinh ngày 08/5/2012 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định, phương thức cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng được tiếp tục cùng mẹ của cháu Khánh V và Khánh L, đồng thời việc thỏa thuận này không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung và về các vấn đề khác: Anh G và chị M xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí, lệ phí Tòa án:

- Lệ phí hôn nhân và gia đình: Anh G và chị M mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh G chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn G và chị Lê Hồng M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao Lê Khánh V, sinh ngày 22/3/2008 và Lê Khánh L, sinh ngày 08/5/2012 cho chị Lê Hồng M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Lê Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 19/5/2022, phương thức cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn G không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị M đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng anh G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn G và chị Lê Hồng M mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 150.000 đồng. Anh G và chị M đều được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp 150.000 đồng tại biên lai số 0012422 và số 0012421 cùng ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp đủ).

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn G phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); (chưa nộp).

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đ D;
- CCTHADS huyện Đ D;
- UBND xã T A Kh, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc